

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH LUẬT**

**Hà Nội, năm 2021**

## MỤC LỤC

<b>Phần I. Giới thiệu chung về chương trình</b>	<b>Trang</b>
1.1. Giới thiệu chương trình	1
1.2. Thông tin chung về chương trình	1
1.3. Triết lý đào tạo	2
1.4. Mục tiêu đào tạo	3
1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh	4
1.6. Hình thức đào tạo	4
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá	4
1.8. Điều kiện tốt nghiệp	5
1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp	5
<b>Phần II. Chuẩn đầu ra của chương trình</b>	
2.1. Kiến thức	6
2.2. Kỹ năng	7
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	8
2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra	8
<b>Phần III. Nội dung chương trình</b>	
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình	9
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức	9
3.3. Khung chương trình	10
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra	32
3.5. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)	35
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần	37
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	54
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình	61
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình	61

## PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

### 1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật đào tạo cử nhân Luật có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật và kỹ năng chuyên sâu về pháp luật để hành nghề tư vấn pháp lý; đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng, có thể độc lập đưa ra các đề xuất nhằm giải quyết tình huống pháp lý trong lĩnh vực pháp luật, nắm vững các thao tác nghiệp vụ góp phần giải quyết tranh chấp về pháp luật. Trong quá trình đào tạo, người học được trang bị kiến thức pháp luật trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu. Bên cạnh kiến thức và kỹ năng hành nghề luật, Chương trình đào tạo cũng quan tâm huấn luyện đạo đức và thái độ của các chuyên gia luật tương lai đối với xã hội và cộng đồng. Người học sau khi tốt nghiệp đại học ngành Luật có thể công tác ở nhiều vị trí khác nhau như trong các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến pháp luật; hệ thống các cơ quan tư pháp như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát,...các đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý khác.

### 1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:

▪ Tiếng Việt:**LUẬT**

▪ Tiếng Anh:**LAW**

- Trình độ đào tạo:**Đại học chính quy**

- Ngành đào tạo:**Luật**

- Mã số:**7380101**

- Thời gian đào tạo:**04 năm**

- Loại hình đào tạo: **Cử nhân**

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

▪ Tiếng Việt: **Cử nhân Luật**

▪ Tiếng Anh: **Bachelor of Laws**

- Thời gian ban hành chương trình: **2021**

- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất: **01/7/2019**

- Kiểm định chương trình:

2018

### 1.3. Triết lý đào tạo

Triết lý đào tạo xuyên suốt đối với ngành Luật – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là “*gắn lý thuyết với thực tiễn*”, được thể hiện cụ thể thông qua các hệ giá trị:

- *Về chương trình đào tạo*: Xây dựng chương trình đào tạo đại học ngành Luật phải gắn kiến thức với thực tiễn và yêu cầu của xã hội, kết hợp hài hòa và cân đối về số lượng môn học và thời lượng giữa giờ lý thuyết với thực hành. Thường xuyên rà soát, đánh giá chương trình trên cơ sở khảo sát ý kiến phản hồi của giảng viên, chuyên gia, sinh viên, cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, văn phòng luật sư và các đối tượng khác có liên quan.

- *Về hoạt động giảng dạy*: Áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại như: trực quan, phân tích và xử lý tình huống, khuyến khích tư duy phản biện; kết hợp hài hòa những giờ giảng lý thuyết với thực hành và thực tế thông qua việc giải quyết các tình huống pháp lý; tổ chức tham quan và khảo sát thực tế tại các cơ quan quản lý nhà nước; các cơ quan tư pháp như Tòa án, Viện kiểm sát; Văn phòng luật sư; doanh nghiệp;....

- *Về hoạt động nghiên cứu khoa học*: Thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng. Ưu tiên thực hiện các đề tài xuất phát từ nhu cầu thực tế đời sống pháp lý đặt ra nhằm để giải quyết một vấn đề pháp lý cụ thể, trên cơ sở đó đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật. Khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp và địa phương, gắn nghiên cứu khoa học với ứng dụng.

- *Về hoạt động thực hành*: Xác định hoạt động thực hành luật là hoạt động cơ bản thể hiện triết lý đào tạo “*gắn lý thuyết với thực tiễn*” của người học tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Luôn khuyến khích giảng viên và người học tham gia vào các hoạt động thực hành Luật.

### 1.4. Mục tiêu đào tạo

#### 1.4.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành Luật đào tạo cử nhân Luật có kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật. Rèn

luyện kỹ năng cho sinh viên bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành, tăng cường kiến thức đa liên ngành; hình thành và phát triển năng lực nhận thức, phân tích, tổng hợp vấn đề liên quan đến pháp luật. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên thành thạo kỹ năng vận dụng kiến thức đã được đào tạo vào thực tiễn pháp lý, thực tiễn nghề nghiệp; sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, thương mại tại các Doanh nghiệp, Tổ chức kinh tế hay trong các cơ quan thuộc lĩnh vực tư pháp như Tòa án, Viện Kiểm sát, Văn phòng luật sư... Bên cạnh đó, chương trình đào tạo đại học ngành Luật còn hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng Tiếng Anh; đọc, dịch văn bản pháp lý nước ngoài và kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý đáp ứng điều kiện cần và đủ của nhà tuyển dụng.

#### ***1.4.2. Mục tiêu cụ thể:***

a) Sinh viên sau khi tốt nghiệp được cung cấp những kiến thức cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng soạn thảo văn bản pháp lý; kỹ năng xử lý và giải quyết các tình huống pháp lý và giao tiếp bằng tiếng Anh.

b) Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về đào tạo ngành luật như Lịch sử Nhà nước và Pháp luật; Lý luận về Nhà nước và Pháp luật; Luật Hiến pháp; Luật học so sánh;... đến những kiến thức chuyên sâu về đào tạo luật như Luật Hình sự; Luật Dân sự; Luật Tố tụng hình sự; Luật Tố tụng dân sự; Luật Thương mại; Luật Đất đai; Luật Môi trường; Luật pháp và chính sách biển; Pháp luật, chính sách tài nguyên nước; Luật Khoáng sản; Luật Tài chính ngân hàng; Luật sư, công chứng, chứng thực; Pháp luật phòng, chống tham nhũng;... Trên cơ sở đó, sinh viên được rèn luyện khả năng nhận xét, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật và có khả năng áp dụng các quy định của pháp luật trong giải quyết, xử lý vấn đề về chuyên môn.

c) Áp dụng kiến thức pháp luật được đào tạo vào hoạt động thực tiễn trong cuộc sống, trong đơn vị công tác;

d) Phân tích, giải thích, tổng hợp các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

e) Soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; soạn thảo hợp đồng;

f) Tư vấn pháp lí về vấn đề pháp luật như: ký kết hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự, tư vấn pháp luật về tài nguyên và môi trường; tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai, dân sự...;

g) Tham mưu cho lãnh đạo biện pháp giải quyết các vụ việc liên quan đến áp dụng pháp luật trong các lĩnh vực đất đai, môi trường, kinh tế, tài nguyên nước, khoáng sản, biển và hải đảo...

h) Chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước;

i) Có nhận thức đúng đắn về đạo đức nghề nghiệp; có thói quen khoa học, cẩn trọng, chính xác; có tinh thần nhiệt tình, trách nhiệm, đoàn kết và hợp tác trong xử lý các công việc chuyên môn;

j) Nhận thức được tầm quan trọng của tài nguyên, môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội và có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường;

k) Sinh viên tốt nghiệp có đủ khả năng dự tuyển để học các bậc học sau đại học cùng chuyên ngành, ngành, nhóm ngành.

### **1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh**

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

### **1.6. Hình thức đào tạo:**Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

### **1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá**

\* *Phương pháp giảng dạy, học tập:*Chương trình đào tạo đại học sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy như: phương pháp thuyết trình; phương pháp làm việc nhóm; phương pháp dạy học thực hành; phương pháp tình huống; phương pháp tự học;....

\* *Phương pháp kiểm tra, đánh giá:* Chương trình đào tạo đại học sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá như: đánh giá theo định hướng năng lực; đánh giá thông qua thảo luận trên lớp học; đánh giá thông qua hình thức vấn đáp; đánh giá thông qua quan sát;...

### **1.8.Điều kiện tốt nghiệp**

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

### **1.9.Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp**

- Công tác trong các cơ quan chính quyền các cấp gồm các Cơ quan Trung ương và cơ quan địa phương như: Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính Phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ngành Trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ban ngành địa phương, các cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng chế độ, chính sách pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, các bộ phận phụ trách tổ chức nhân sự trong các cơ quan tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, tài chính, đất đai, môi trường...;

- Trong các cơ quan tư pháp như Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan thi hành án;

- Trong các tổ chức tư vấn dịch vụ pháp lý: Văn phòng luật sư, Công ty luật, văn phòng công chứng...;

- Công tác tại các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội: các cơ quan Đảng các cấp và tổ chức chính trị xã hội...;

- Làm việc trong các doanh nghiệp với vai trò tư vấn pháp lý;

- Đảm nhận công tác giảng dạy: tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo (các viện nghiên cứu, giảng dạy về pháp luật trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học phổ thông);

- Đặc biệt đảm nhiệm công tác pháp chế, công tác quản lý hành chính nhà nước trong các cơ quan, đơn vị các cấp thuộc chín lĩnh vực quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn.

## PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng:

*\* Kiến thức chung:*

(2.1.1) Hiểu được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh Quốc phòng.

(2.1.2) Hiểu được những kiến thức trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

*\* Kiến thức chuyên môn:*

(2.1.3) Vận dụng các kiến thức nền tảng về Lý luận Nhà nước và pháp luật để phân tích và đánh giá các quy định pháp luật trong các ngành luật như Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Hành chính, Luật Kinh tế,...

(2.1.4) Hệ thống hóa những kiến thức đã học và áp dụng để giải quyết những tình huống pháp luật xảy ra trong thực tiễn.

(2.1.5) Vận dụng các kiến thức tổng hợp đã học để quản lý và thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực pháp luật.

(2.1.6) Kiến thức Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	PET	3

(2.1.7) Kiến thức Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin,



do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

## 2.2. Kỹ năng

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có các kỹ năng:

### \* Kỹ năng chung:

(2.2.1) Có khả năng vận dụng thành thạo và đánh giá được các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách pháp luật của Nhà nước trong một số lĩnh vực như: hình sự, dân sự, đất đai, hành chính, thương mại, ...

(2.2.2) Có khả năng tìm kiếm các văn bản pháp luật và sử dụng thành thạo văn bản pháp luật.

### \* Kỹ năng chuyên môn:

(2.2.3) Có khả năng tư vấn pháp luật, tham gia các phiên tòa, giải quyết các vụ án, vụ việc một cách hiệu quả; tư vấn ký kết các loại hợp đồng; vụ việc phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước thuộc các cơ quan quản lý nhà nước nói chung và đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường nói riêng.

(2.2.4) Có kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá và kết hợp các kỹ năng trong việc giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn.

(2.2.5) Có khả năng vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào giải quyết các tình huống, vụ việc, vụ án; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật.

(2.2.6) Có kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ: Có khả năng giao tiếp, truyền đạt thông tin; soạn thảo văn bản; đàm phán, diễn thuyết, ứng xử, giao tiếp về lĩnh vực pháp luật; có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh; đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành.

(2.2.7) Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc với tư duy logic, sáng tạo hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.

(2.2.8) Có kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn của nhà tuyển dụng.

(2.2.9) Có khả năng sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng, Internet,...đáp ứng được công việc cơ bản.

### 2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(2.3.1) Sẵn sàng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

(2.3.2) Có năng lực tổng hợp được các kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ và đề xuất các kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo.

(2.3.3) Đề xuất các sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

(2.3.4) Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về pháp luật.

(2.3.5) Có năng lực lập kế hoạch, đánh giá, phát huy trí tuệ tập thể và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở quy mô trung bình.

### 2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO										
		a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k
Kiến thức	2.1.1	x							x			
	2.1.2	x								x	x	x
	2.1.3		x	x	x	x	x	x		x		
	2.1.4			x		x	x	x		x		
	2.1.5			x		x	x	x		x		
	2.1.6	x										x
	2.1.7	x					x					x
Kỹ năng	2.2.1			x	x	x	x	x				
	2.2.2				x		x					
	2.2.3						x	x			x	
	2.2.4				x	x						
	2.2.5			x	x		x	x				
	2.2.6				x	x						
	2.2.7			x			x	x		x		x
	2.2.8									x		
	2.2.9						x					
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2.3.1									x		
	2.3.2			x	x		x	x				
	2.3.3						x	x		x		
	2.3.4	x	x	x						x		
	2.3.5		x	x						x		

### PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

#### 3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính cách học phân GDTC, GDQP-AN)	33	24,8
+ Bắt buộc:	33	24,8
+ Tự chọn:	0	0
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	100	75,2
• Kiến thức cơ sở ngành	13	9,8
+ Bắt buộc:	13	9,8
+ Tự chọn:	0	0
• Kiến thức ngành	75	56,4
+ Bắt buộc:	40	30,1
+ Tự chọn:	35	26,3
• Kiến thức chuyên ngành (nếu có)	0	0
+ Bắt buộc:	0	0
+ Tự chọn:	0	0
• Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	12	09

#### 3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA																				
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.1.7	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5
- Kiến thức giáo dục đại cương	3	3	-	2	-	3	3	-	-	1	2	2	3	3	2	3	3	2	1	2	2
- Kiến thức cơ sở ngành	2	-	3	2	1	3	1	1	3	1	0	1	3	2	-	-	3	3	3	3	3
- Kiến thức ngành	1	-	3	2	1	1	-	3	3	3	2	-	3	1	3	-	3	3	3	3	3
- Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	-	-	3	3	3	-	-	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3	3
- Kiến thức không tích lũy	1	1	3	-	-	-	-	3	3	3	2	-	3	1	3	-	3	3	3	3	3

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

### 3.3. Khung chương trình

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết;

- TH, TT: Thực hành, Thực tập.

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
<b>I</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>							
<i>1.1</i>	<i>Các học phần chung</i>		<i>19</i>					
1	LCML101	Triết học Mác-Lênin	3	Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn	30	15	90	
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.	20	10	60	
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sử mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội				
4	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	21	09	60	
5	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu	21	09	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				đưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.				
6	NNTA101	Tiếng Anh 1	3	Học phần “ <i>Tiếng Anh 1</i> ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội	12	33	90	
7	NNTA102	Tiếng Anh 2	3	Học phần “ <i>Tiếng Anh 2</i> ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiên trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiên trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	12	33	90	
8	NNTA103	Tiếng Anh 3	2	Học phần “ <i>Tiếng Anh 3</i> ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh	08	22	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch</p>				
9		<i>Giáo dục thể chất</i>	4	<p>Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần bắt buộc: Thể dục, điền kinh 1 và điền kinh 2.</li> <li>- Phần tự chọn SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, Cầu lông, Bơi lội, Bóng rổ, Bóng đá, Đá cầu, Thể dục Aerobic.</li> </ul>				
10		<i>Giáo dục quốc phòng – an ninh</i>	9	<p>Bao gồm 4 học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, Công tác quốc phòng - an ninh; Quân sự chung, Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.</p>				
<b>1.2</b>	<b><i>Các học phần bắt buộc của trường</i></b>		<b>4</b>					
11	CTKU101	Tin học đại cương	2	<p>Học phần “<i>Tin học đại cương</i>” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy</p>	19	11	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.				
12	LCML104	Logic học	2	Lôgic học là học phần quan trọng thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, góp phần đặt nền tảng kiến thức và kỹ năng tư duy lôgic cho quá trình học tập và nghiên cứu. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, cơ bản nhất về những hình thức lôgic như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, giả thuyết và các quy luật lôgic của tư duy, cũng như những kỹ năng cơ bản của tư duy lôgic, khoa học	19	11	60	
<b>1.3</b>	<b>Các học phần của ngành</b>		<b>10</b>					
13	LCPL108	Luật Hiến pháp	3	Học phần Luật Hiến pháp nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Luật Hiến pháp cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật Hiến pháp và khoa học luật hiến pháp; Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ và môi trường; an ninh quốc phòng, đối ngoại; chế độ bầu cử của nước CHXHCN Việt Nam; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam; tổng quan về bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước Việt Nam.	32	13	90	
14	LCPL109	Luật Hành chính	3	Luật Hành chính là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về	26	19	90	



TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				luật hành chính như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; quy phạm pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính; những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước như các nguyên tắc quản lý, hình thức và phương pháp quản lý nhà nước. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức để người học có thể làm việc sau khi ra trường ở những cơ quan quản lý nhà nước hoặc các đơn vị sự nghiệp công lập. Học phần còn trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về trách nhiệm hành chính, xử lý vi phạm hành chính, thủ tục hành chính, quyết định hành chính, các nguyên tắc pháp lý đảm bảo pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.				
15	LCPL106	Kỹ năng hành nghề luật	2	Kỹ năng hành nghề luật là môn học chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hoà giữa pháp luật thực định và thực tiễn khai. Học phần cũng trang bị cho người học các quy tắc đạo đức khi hành nghề luật, các thông tin tổng quan về nghề luật và các vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp luật có thể đảm nhận; các kỹ năng giải quyết vụ án và việc dân sự của thẩm phán, luật sư, kiểm sát viên; thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính và kỹ năng áp dụng pháp luật trong giải quyết một số loại án hành chính.	19	11	60	
16	LCPL107	Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý	2	Học phần Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về xử lý và giải quyết tình huống pháp lý. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản trong xử lý và giải	17	13	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				quyết tình huống pháp lí: kĩ năng tiếp xúc với khách hàng, kĩ năng nghiên cứu hồ sơ và phân tích tình huống pháp lí (kĩ năng nghiên cứu hồ sơ, kĩ năng tra cứu cơ sở pháp lí; Kĩ năng xây dựng các phương án xử lí và giải quyết tình huống pháp lí, kĩ năng trình bày các phương án xử lí và giải quyết tình huống pháp lí).				
<b>II</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>100</b>					
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>13</b>					
<b>2.1.1</b>	<b>Bắt buộc</b>							
17	LCPL102	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	5	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là học phần cơ sở, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của môn học này gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; ý thức pháp luật.	49	26	150	
18	LCPL103	Luật học so sánh	3	Luật học so sánh là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm hai nhóm vấn đề chính, gồm: Lí luận chung về luật học so sánh; Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.	25	20	90	
19	LCPL104	Lịch sử Nhà nước	3	Lịch sử nhà nước và pháp luật	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
		và Pháp luật		là môn khoa học về nhà nước và pháp luật nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Từ đó khái quát được đặc điểm của nhà nước và pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam trong từng thời kì và trong toàn bộ tiến trình lịch sử.				
20	LCPL105	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	Kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật là môn học cơ sở ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản pháp luật: khái niệm, phân loại văn bản pháp luật, các tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng thực hành về soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật như: thẩm quyền ban hành văn bản; các hình thức và nội dung của từng loại văn bản; các yếu tố cấu thành văn bản; hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản; ngôn ngữ trong văn bản; những hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật. Trên cơ sở vận dụng những kiến thức đã học, người học soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình.	20	10	60	
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>75</b>					
<b>2.2.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>40</b>					
21	NNTA150	Tiếng anh chuyên ngành	3	Học phần " <i>Tiếng Anh chuyên ngành Luật</i> " sử dụng giáo trình " <i>Introduction to International Legal English. A course for classroom or self-study</i> " của Amy Krois Lindner Matt Firth. (2008), Cambridge University Press. UK. Học phần giới thiệu các nội dung cơ bản về luật như các nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành Luật, các nội dung và quy định của luật pháp	20	25	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				liên quan đến việc thiết lập các hợp đồng, Luật Tra tấn; Luật Hình sự; Luật Công ty; Luật Thương mại; Luật Bất động sản; Luật Quốc tế; Luật So sánh; Các nội dung liên quan đến Tranh tụng và phân xử trước tòa. Các hiện tượng ngữ pháp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn và thì tương lai, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu và lượng từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm về Luật được lồng ghép trong các bài học, khi thực hành các kỹ năng tiếng giúp người học có cơ hội rèn luyện và nâng cao vốn từ vựng và kiến thức chuyên ngành thông qua các tình huống thường gặp khi đọc hồ sơ tranh tụng, các bước tiến hành tố tụng tại tòa, cơ sở để tiến hành một vụ kiện; hồ sơ cần chuẩn bị để tiến hành tố tụng.				
22	LCPL110	Luật Tố tụng hành chính	3	Luật Tố tụng Hành chính là môn học chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo chuyên ngành luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu môn học nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về Luật tố tụng hành chính: Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng hành chính; nguyên tắc; nguồn của Luật Tố tụng hành chính. Những vấn đề cơ bản về quy trình tố tụng tại Tòa án trong lĩnh vực hành chính. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.	30	15	90	
23	LCPL111	Luật Hình sự 1	3	Luật Hình sự 1 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật hình sự: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				<p>của Luật Hình sự; nguyên tắc của Luật Hình sự; nguồn của Luật Hình sự. Những vấn đề cơ bản về Tội phạm: khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm; những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm, vấn đề đồng phạm; những vấn đề cơ bản về hình phạt: khái niệm, mục đích của hình phạt; hệ thống hình phạt; quyết định hình phạt... và vấn đề về người dưới 18 tuổi phạm tội. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống</p>				
24	LCPL112	Luật Hình sự 2	3	<p>Luật Hình sự 2 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề định tội danh cho các hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Những vấn đề cơ bản về các yếu tố cấu thành tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt của từng nhóm tội, từng tội phạm cụ thể như: nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia; tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; tội xâm phạm sở hữu; tội phạm về môi trường; tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; tội phạm về ma túy; tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội phạm về chức vụ;... Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức khoa học để giải quyết các vụ án hình sự xảy ra trong thực tiễn đời sống</p>	23	22	90	
25	LCPL113	Luật Tố tụng hình sự	3	<p>Luật Tố tụng hình sự là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản nhất về môn học Luật tố tụng hình sự như: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự; nguồn của luật tố tụng hình</p>	27	18	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				sự; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự. Học phần còn nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức khoa học để giải quyết các vụ án hình sự xảy ra trong thực tiễn đời sống.				
26	LCPL114	Luật Dân sự 1	3	Luật dân sự 1 là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những vấn đề chung nhất của luật dân sự bao gồm: khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, nguyên tắc cơ bản của luật dân sự; quan hệ pháp luật dân sự: khái niệm, đặc điểm và các chủ thể; giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu. Những vấn đề quan trọng trong lĩnh vực pháp luật dân sự: chế định về quyền sở hữu: Khái niệm, quan hệ pháp luật dân sự về sở hữu, các hình thức, căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu, thực hiện bảo vệ quyền sở hữu; chế định về quyền thừa kế: khái niệm, quy định chung, thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.	30	15	90	
27	LCPL115	Luật Dân sự 2	3	Luật dân sự 2 là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những nội dung về nghĩa vụ dân sự như khái niệm, căn cứ xác lập, chấm dứt, thực hiện nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				đảm nghĩa vụ dân sự; các loại hợp đồng dân sự thông dụng: hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng trao đổi tài sản, hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản, ...; hứa thưởng và thi có giải; vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; vấn đề chuyển quyền sử dụng đất và quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trên thực tiễn.				
28	LCPL116	Luật Tố tụng dân sự	3	Luật Tố tụng dân sự là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tố tụng dân sự như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự; những nguyên tắc cơ bản, các chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, thẩm quyền của Tòa án nhân dân; án phí, lệ phí trong tố tụng dân sự; chứng cứ và chứng minh; thủ tục sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm; thủ tục xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; các thủ tục giải quyết vụ việc dân sự. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến pháp luật tố tụng dân sự.	32	13	90	
29	LCPL117	Luật Thương mại 1	3	Luật Thương mại 1 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật doanh nghiệp bao gồm: khái niệm và đặc điểm về thương nhân, về doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty TNHH 1 thành viên và công ty TNHH có từ 2 thành viên trở lên, một số vấn đề pháp lý về nhóm công ty: công ty mẹ, công ty con và tập đoàn kinh tế, về việc tổ chức lại, giải thể, phá	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				sản. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống về doanh nghiệp trong thực tiễn.				
30	LCPL118	Luật Thương mại 2	3	Luật Thương mại 2 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản các hoạt động thương mại như: hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, khuyến mại, quảng cáo, đấu giá, đấu thầu, dịch vụ logistics, quyền và nghĩa vụ của thương nhân khi thực hiện các hoạt động thương mại này. Đồng thời cũng trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại cũng như các biện pháp chế tài trong hoạt động thương mại để đảm bảo quyền lợi của các bên giao kết hợp đồng. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.	32	13	90	
31	LCPL119	Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	Pháp luật phòng, chống tham nhũng là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết về phòng chống tham nhũng như: khái niệm, đặc điểm của các hành vi tham nhũng; các quy định về Luật phòng chống tham nhũng, Bộ luật hình sự Việt Nam về tội phạm tham nhũng; Công ước Liên hợp quốc chống tham nhũng và kinh nghiệm một số nước về phòng chống tham nhũng.	20	10	60	
32	LCPL120	Kiến tập nghề nghiệp 1	4	Kiến tập nghề nghiệp 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập; các hoạt động kinh doanh và quản lý của đơn vị thực tập. Người học thực tập các công		240 giờ	120	



TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				việc, nhiệm vụ theo sự phân công của đơn vị thực tập. Hết thời gian thực tập, người học viết báo cáo thực tập về quá trình thực tập của mình.				
33	LCPL121	Kiến tập nghề nghiệp 2	4	Kiến tập nghề nghiệp 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập; các hoạt động kinh doanh và quản lý của đơn vị thực tập. Người học thực tập các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của đơn vị thực tập. Hết thời gian thực tập, người học viết báo cáo thực tập về quá trình thực tập của mình.		240 giờ	120	
<b>2.2.2</b>	<b>Tự chọn</b>		<b>35</b>					
34	LCPL122	Luật Lao động	3	Luật Lao động là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động: khái niệm và đặc điểm hợp đồng lao động, phân loại hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, nội quy lao động, thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và một số vấn đề pháp lý về tiền lương, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, công đoàn, các hình thức kỷ luật, tranh chấp lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp lao động, nội dung về đình công. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống về lao động trong thực tiễn.	31	14	90	
35	LCPL123	Luật Đất đai	3	Luật Đất đai là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về đất đai như: lịch sử, khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai; các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; quy định của pháp luật về chế độ sử dụng các loại đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Học phần	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				cũng cung cấp các kiến thức giúp người học làm rõ được mối quan hệ giữa luật đất đai và một số ngành luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.				
36	LCPL124	Luật Môi trường	3	Luật Môi trường là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về Luật Môi trường quốc tế và Luật Môi trường Việt Nam, như: tầm quan trọng của môi trường và sự cần thiết phải bảo vệ môi trường bằng pháp luật; Khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của Luật Môi trường, các nguyên tắc và nguồn của Luật Môi trường; Nội dung luật Môi trường Việt Nam và Luật Môi trường quốc tế; thực tiễn thực thi một số công ước quốc tế trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam.	29	16	90	
37	LCPL125	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	2	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nội dung chính sách, pháp luật của Nhà nước về tài nguyên nước, như: quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước, Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.	19	11	60	
38	LCPL126	Công pháp quốc tế	3	Công pháp quốc tế (luật quốc tế) là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lí luận cơ bản về hệ thống pháp	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				luật quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn mang đến cho sinh viên kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như giải quyết tranh chấp quốc tế, dân cư, giải quyết tranh chấp quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế.				
39	LCPL127	Tư pháp quốc tế	3	Tư pháp quốc tế là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp điều chỉnh, chủ thể, nguồn của Tư pháp quốc tế; các vấn đề về xung đột pháp luật, xung đột thẩm quyền trong tư pháp quốc tế; công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, bản án, quyết định của tòa án nước ngoài; xác định thẩm quyền của Tòa án, về giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ cụ thể của Tư pháp quốc tế, và một số quy định cụ thể về quan hệ pháp luật có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động. Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn.	30	15	90	
40	LCPL128	Luật Khoáng sản	2	Học phần Pháp luật Khoáng sản là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nội dung các quy định của pháp luật Khoáng sản Việt Nam, phương pháp vận dụng các quy định của pháp luật vào thực tiễn hoạt động điều tra cơ bản địa chất khoáng sản, quản lý nhà nước, bảo vệ, thăm dò, khai thác khoáng sản, đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản.	19	11	60	
41	LCPL129	Luật pháp và chính sách biển	3	Luật pháp và chính sách biển là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về Luật biển quốc tế và Luật biển Việt Nam, như: lịch sử hình thành và phát triển và các nguyên tắc cơ bản của Luật biển, nguồn của Luật biển; chế độ pháp lý về các vùng biển; phân định biển; cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Công ước Liên hợp quốc 1982 về Luật biển; một số chính sách biển của Việt Nam. Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống liên quan đến biển.				
42	LCPL130	Luật Hôn nhân và gia đình	3	Luật Hôn nhân và gia đình là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về luật Hôn nhân và gia đình, như: nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; Quan hệ vợ chồng; Quan hệ cha mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; Chấm dứt hôn nhân; Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình.	30	15	90	
43	LCPL131	Luật Tài chính ngân hàng	3	Luật tài chính ngân hàng là môn học chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật tài chính ngân hàng: lý luận về ngân sách nhà nước và pháp	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				luật ngân sách nhà nước; Những vấn đề lí luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.				
44	LCPL132	Luật sư, công chứng, chứng thực	3	Học phần Luật sư, công chứng, chứng thực là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành đào tạo cử nhân luật. Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư, quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động công chứng, chứng thực, khái quát trình tự, thủ tục tiến hành công chức một số hợp đồng giao dịch cụ thể. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.	32	13	90	
45	LCPL133	Thực hành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	4	Thực hành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường là môn học chuyên ngành cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về kỹ thuật và kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng nói chung và kiến thức về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường cụ thể là trong lĩnh vực đất đai, môi trường, thương mại, dân sự.		120	240	
46	LCPL134	Luật Thuế	3	Luật thuế là môn học chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật thuế như: lý luận về thuế, quyền thu thuế, nguyên tắc đóng thuế và tổng quan về luật thuế; khái niệm và nội dung pháp lý của các loại thuế; và các hoạt động quản lý thuế. Trên cơ sở đó, người học biết vận dụng những kiến thức	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.				
47	LCPL135	Pháp luật bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất	3	Pháp luật về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất là học phần cung cấp kiến thức ngành trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho người học các vấn đề lý luận và pháp lý về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, các vấn đề pháp lý về trình tự, thủ tục bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và vấn đề về khiếu nại, tố cáo trong bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.	30	15	90	
48	LCPL136	Pháp luật về Bảo vệ môi trường trong kinh doanh	3	Học phần Pháp luật về bảo vệ môi trường trong kinh doanh là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành đào tạo đại học luật chính quy. Học phần nghiên cứu về bảo vệ môi trường bằng pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm: các vấn đề lý luận về pháp luật môi trường trong kinh doanh; những nội dung liên quan đến các công cụ kinh tế và vai trò của nó đối với hoạt động kinh doanh và quản lý đối với hoạt động kinh doanh; các vấn đề của pháp luật môi trường trong các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như hoạt động sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, xuất nhập khẩu, trồng trọt, chăn nuôi, du lịch và các hoạt động dịch vụ khác. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.	32	13	90	
49	LCPL137	Tội phạm học	3	Tội phạm học là học phần chuyên ngành luật, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tội phạm học: khái niệm, nhiệm vụ; mối liên hệ giữa các ngành khoa học khác; phương pháp nghiên cứu của tội phạm học và quá trình hình thành, phát triển của tội phạm học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tình hình tội	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				phạm, nguyên nhân của tội phạm, nhân thân người phạm tội, dự báo tội phạm, phòng ngừa tội phạm và một số nội dung liên quan khác. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống				
50	LCPL138	Luật Kinh doanh bất động sản	3	Luật Kinh doanh bất động sản là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản và pháp luật kinh doanh bất động sản: lịch sử, khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành. Môn học cũng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản: nội dung quản lý nhà nước, nguyên tắc, điều kiện, phạm vi kinh doanh,...; hợp đồng kinh doanh bất động sản và hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản: khái niệm, đặc điểm, phân loại, các quy định chung và quy định cụ thể. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống pháp luật kinh doanh bất động sản trong thực tiễn.	23	22	90	
51	LCPL139	Luật Xây dựng và nhà ở	3	Luật xây dựng và nhà ở là môn học chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách pháp luật của nhà nước về xây dựng, về nhà ở như: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Xây dựng và Luật nhà ở; các nội dung quản lý nhà nước về xây dựng: ban hành tiêu chuẩn, kỹ thuật, cấp, thu hồi giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo..., pháp luật về quy hoạch xây dựng: đối tượng, phân loại, nội dung quy hoạch; quy định về cấp giấy phép xây dựng: đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục,...; các nội dung quản lý	31	14	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				nhà nước về nhà ở: quản lý, điều tra, thống kê, đào tạo,..., các quy định về sở hữu nhà ở: khái niệm, đối tượng sở hữu, giấy chứng nhận..., phát triển nhà ở: mục đích, yêu cầu, hình thức, nội dung; các giao dịch về nhà ở: mua bán, cho thuê, tặng cho, đổi, thừa kế. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn về Luật Xây dựng và nhà ở.				
52	LCPL140	Hợp đồng dân sự thông dụng	3	Hợp đồng dân sự thông dụng là học phần chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật hợp đồng dân sự thông dụng: về các loại hợp đồng dân sự thông dụng như khái niệm, đặc điểm, hình thức, quyền và nghĩa vụ chung và đặc thù của các bên trong hợp đồng dân sự thông dụng. Giúp người học hiểu được nguyên tắc giao kết hợp đồng cũng như xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện, chấm dứt hợp đồng. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.	30	15	90	
2.2.3	<b>Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>12</b>					
53	LCPL141	Thực tập tốt nghiệp	6	Thực tập tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập; các hoạt động kinh doanh và quản lý của đơn vị thực tập. Người học thực tập các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của đơn vị thực tập. Hết thời gian thực tập, người học viết báo cáo thực tập về quá trình thực tập của mình.		320 giờ	180	
54	LCPL142	Khóa luận tốt	6	Học phần trang bị cho người		320	180	



TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
		ngành		<p>học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức pháp luật (luật dân sự, hình sự, đất đai, thương mại, hôn nhân gia đình.....) đã được học trong chương trình đào tạo ngành luật để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan đề tài nghiên cứu, cơ sở lý luận về lĩnh vực nghiên cứu, thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập, những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện nhằm nâng cao lĩnh vực quản lý hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận.</p>		giờ		
	<b><i>Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i></b>							
55	LCPL143	Kỹ năng tư vấn pháp lý về pháp luật tài nguyên môi trường	3	<p>Học phần Kỹ năng vận pháp lý trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường là học phần thay thế cho các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần giúp cho người học nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản và cần thiết phải có, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến trong lĩnh vực tài nguyên môi trường xảy ra trong đời sống xã hội. Hướng tới trang bị cho người học có kỹ năng và kiến thức cần thiết trong lĩnh vực đất đai và các lĩnh vực khác có liên quan để làm việc được trong các công ti tư vấn luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trợ giúp pháp lý, làm pháp chế cho doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, cơ quan nhà nước, v.v..</p>	27	18	90	
56	LCPL144	Kỹ năng Giải quyết tranh chấp	3	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại là môn học	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
		thương mại		chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của chủ thể tham gia vào hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại; các quy trình, thủ tục tiến hành việc giải quyết tranh chấp thương mại; các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng, hoà giải thương mại, trọng tài thương mại và giải quyết tranh chấp tại toà án. Môn học tập trung bổ sung các kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp thương mại ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại như: thương lượng; hoà giải; trọng tài thương mại và toà án				
<b>TỔNG</b>			<b>133</b>					

Ghi chú: (\*) Các học phần dự kiến sẽ giảng dạy bằng tiếng Anh

### 3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

STT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																			Tổng		
		Kiến thức							Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm							
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.1.7	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.3.1	2.3.2	2.3.3		2.3.4	2.3.5
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>																						
<b>I.1</b>	<b>Các học phần chung</b>																						
1	Triết học Mác-Lênin	3	2	-	1	2	-	-	-	-	-	1	2	-	2	-	-	1	1	1	1	1	12
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	3	2	-	1	2	-	-	-	-	-	1	2	-	2	-	-	1	1	1	1	1	12
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	-	1	2	-	-	-	-	-	1	2	-	2	-	-	1	1	1	1	1	12
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	1	-	1	2	-	-	-	-	-	1	2	-	2	-	-	1	1	1	1	1	12
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	1	-	1	2	-	-	-	-	-	1	2	-	2	-	-	1	1	1	1	1	12
6	Tiếng Anh 1	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	2
7	Tiếng Anh 2	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	2
8	Tiếng Anh 3	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	2
<b>I.2</b>	<b>Các học phần bắt buộc của trường</b>																						

STT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																				Tổng
		Kiến thức							Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.1.7	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
9	Tin học đại cương	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	3	-	-	3	-	-	-	-	-	3
10	Logic học	-	3	-	2	2	-	-	-	-	3	3	3	-	2	2	-	3	3	3	3	3
<b>I.3 Các học phần của ngành</b>																						
11	Luật Hiến pháp	2	-	3	2	2	-	-	3	3	3	3	2	1	2	-	2	2	2	2	2	
12	Luật Hành chính	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	2	2	2	2	2	
13	Kỹ năng hành nghề luật	-	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
14	Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý	-	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
<b>II Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																						
<b>II.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>																						
15	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	1	1	1	1	
16	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	3	3	3	3	-	-	2	3	3	3	-	2	2	-	2	2	2	2	2	
17	Luật học so sánh	-	2	3	2	2	-	-	2	3	3	3	-	1	2	-	2	2	2	2	2	
18	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	-	2	-	-	-	-	2	3	-	-	3	-	2	2	-	2	-	-	-	-	
<b>II.2 Kiến thức ngành</b>																						
<b>II.2.1 Bắt buộc</b>																						
19	Tiếng Anh chuyên ngành	-	2	-	-	-	3	-	-	-	-	-	3	2	-	2	-	-	-	-	-	
20	Luật Tố tụng hành chính	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
21	Luật Hình sự 1	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
22	Luật Hình sự 2	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
23	Luật Tố tụng hình sự	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
24	Luật Dân sự 1	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
25	Luật Dân sự 2	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
26	Luật Tố tụng dân sự	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
27	Luật Thương mại 1	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
28	Luật Thương mại 2	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
29	Pháp luật phòng chống tham nhũng	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	
30	Kiến tập nghề nghiệp 1	-	-	3	3	1	-	-	3	3	3	3	3	1	2	-	2	2	2	2	2	
31	Kiến tập nghề nghiệp 2	-	-	3	3	1	-	-	3	3	3	3	3	1	2	-	2	2	2	2	2	
<b>II.2.2 Tự chọn</b>																						
32	Luật Lao động	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	

STT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																			Tổng	
		Kiến thức							Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.1.7	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.3.1	2.3.2	2.3.3		2.3.4
33	Luật Đất đai	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
34	Luật Môi trường	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
35	Luật Khoáng sản	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
36	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
37	Công pháp quốc tế	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
38	Tư pháp quốc tế	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
39	Luật pháp và chính sách biển	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
40	Luật Hôn nhân và Gia đình	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
41	Luật Tài chính ngân hàng	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
42	Luật sư, công chứng, chứng thực	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
43	Thực hành Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường	-	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	15
44	Luật Thuế	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
45	Pháp luật Bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
46	Pháp luật về Bảo vệ môi trường trong kinh doanh	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
47	Tội phạm học	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
48	Luật Kinh doanh bất động sản	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
49	Luật Xây dựng và nhà ở	2	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
50	Hợp đồng dân sự thông dụng	1	-	3	3	1	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	16
<b>II.3 Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>																						
51	Thực tập tốt nghiệp	1	-	1	3	3	-	-	3	3	3	3	2	3	-	3	2	2	2	2	2	17
52	Khóa luận tốt nghiệp	1	-	1	1	1	-	-	3	3	3	-	1	-	-	1	-	-	-	-	-	10
<b>II.4 Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>																						
53	Kỹ năng tư vấn pháp lý về pháp luật tài nguyên môi trường	-	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	15
54	Kỹ năng Giải quyết	-	-	3	3	3	-	-	3	3	3	2	1	3	-	-	2	2	2	2	2	15





STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
43	Thực hành Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường	LCPL133						4		
44	Luật Thuế	LCPL134						3		
45	Pháp luật Bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất	LCPL135						3		
46	Pháp luật về Bảo vệ môi trường trong kinh doanh	LCPL136						3		
47	Tội phạm học	LCPL137							3	
48	Luật Kinh doanh bất động sản	LCPL138							3	
49	Luật Xây dựng và Nhà ở	LCPL139							3	
50	Hợp đồng dân sự thông dụng	LCPL140							3	
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp</b>									
51	Thực tập tốt nghiệp	LCPL141								6
52	Khóa luận tốt nghiệp	LCPL142								6
	<i>Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>									
53	Kỹ năng tư vấn pháp lý về pháp luật tài nguyên môi trường	LCPL143								3
54	Kỹ năng Giải quyết tranh chấp thương mại	LCPL144								3
<b>Tổng số tín chỉ (133)</b>			<b>16</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>16</b>	<b>12</b>

### 3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

#### 1) Triết học Mác-Lênin

**3TC**

Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn

**2) Kinh tế chính trị Mác-Lênin****2TC**

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.

**3) Chủ nghĩa xã hội khoa học****2TC**

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

**4) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam****2TC**

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**5) Tư tưởng Hồ Chí Minh****2TC**

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư



tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

## **6) Tiếng Anh 1**

**3TC**

Học phần “*Tiếng Anh 1*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

## **7) Tiếng Anh 2**

**3TC**

Học phần “*Tiếng Anh 2*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

## **8) Tiếng Anh 3**

**2TC**

Học phần “*Tiếng Anh 3*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.

**9) Tin học đại cương****2TC**

Học phần “*Tin học đại cương*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương gồm các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

**10) Logic học****2TC**

Lôgic học là học phần quan trọng thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, góp phần đặt nền tảng kiến thức và kỹ năng tư duy lôgic cho quá trình học tập và nghiên cứu. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, cơ bản nhất về những hình thức lôgic như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, giả thuyết và các quy luật lôgic của tư duy, cũng như những kỹ năng cơ bản của tư duy lôgic, khoa học

**11) Luật Hiến pháp****3TC**

Học phần Luật Hiến pháp nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Luật Hiến pháp cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật Hiến pháp và khoa học luật hiến pháp; Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị, chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ và môi trường; an ninh quốc phòng, đối ngoại; chế độ bầu cử của nước CHXHCN Việt Nam; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quốc tịch Việt Nam; tổng quan về bộ máy nhà nước và làm rõ địa vị pháp lý của các cơ quan hiến định trong bộ máy nhà nước Việt Nam.

**12) Luật Hành chính****3TC**

Luật Hành chính là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về luật hành chính như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh; quy phạm pháp luật hành chính, quan hệ pháp luật hành chính; những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước như các nguyên tắc quản lý, hình thức và phương pháp quản lý nhà nước. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức pháp luật về cán

bộ, công chức, viên chức để người học có thể làm việc sau khi ra trường ở những cơ quan quản lý nhà nước hoặc các đơn vị sự nghiệp công lập. Học phần còn trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về trách nhiệm hành chính, xử lý vi phạm hành chính, thủ tục hành chính, quyết định hành chính, các nguyên tắc pháp lý đảm bảo pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

### **13) Kỹ năng hành nghề luật**

**2TC**

Kỹ năng hành nghề luật là môn học chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hoà giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai. Học phần cũng trang bị cho người học các quy tắc đạo đức khi hành nghề luật, các thông tin tổng quan về nghề luật và các vị trí việc làm mà người học sau khi tốt nghiệp luật có thể đảm nhận; các kỹ năng giải quyết vụ án và việc dân sự của thẩm phán, luật sư, kiểm sát viên; thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính và kỹ năng áp dụng pháp luật trong giải quyết một số loại án hành chính.

### **14) Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý**

**2TC**

Học phần Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản về xử lý và giải quyết tình huống pháp lý. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng cơ bản trong xử lý và giải quyết tình huống pháp lý: kỹ năng tiếp xúc với khách hàng, kỹ năng nghiên cứu hồ sơ và phân tích tình huống pháp lý (kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, kỹ năng tra cứu cơ sở pháp lý; Kỹ năng xây dựng các phương án xử lý và giải quyết tình huống pháp lý, kỹ năng trình bày các phương án xử lý và giải quyết tình huống pháp lý).

### **15) Lý luận Nhà nước và Pháp luật**

**5TC**

Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là học phần cơ sở, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề của nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của môn học này gồm các vấn đề: nguồn gốc, bản chất, chức năng, bộ máy, hình thức của nhà nước; nhà nước trong hệ thống chính trị; nhà nước pháp quyền; nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức của pháp luật; quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; ý thức pháp luật.

**16) Luật học so sánh****3TC**

Luật học so sánh là học phần nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Học phần gồm hai nhóm vấn đề chính, gồm: Lí luận chung về luật học so sánh; Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.

**17) Lịch sử Nhà nước và Pháp luật****3TC**

Lịch sử nhà nước và pháp luật là môn khoa học về nhà nước và pháp luật nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kì lịch sử. Từ đó khái quát được đặc điểm của nhà nước và pháp luật trên thế giới và ở Việt Nam trong từng thời kì và trong toàn bộ tiến trình lịch sử.

**18) Kỹ thuật soạn thảo văn bản****2TC**

Kỹ thuật soạn thảo văn bản pháp luật là môn học cơ sở ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn bản pháp luật: khái niệm, phân loại văn bản pháp luật, các tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản pháp luật. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng thực hành về soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật như: thẩm quyền ban hành văn bản; các hình thức và nội dung của từng loại văn bản; các yếu tố cấu thành văn bản; hiệu lực và nguyên tắc áp dụng văn bản; ngôn ngữ trong văn bản; những hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật. Trên cơ sở vận dụng những kiến thức đã học, người học soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình.

**19) Tiếng Anh chuyên ngành****3TC**

Học phần “*Tiếng Anh chuyên ngành Luật*” sử dụng giáo trình “*Introduction to International Legal English. A course for classroom or self-study*” của Amy Krois Lindner Matt Firth. (2008), Cambridge University Press. UK. Học phần giới thiệu các nội dung cơ bản về luật như các nghề nghiệp liên quan đến chuyên ngành Luật, các nội dung và quy định của luật pháp liên quan đến việc thiết lập các hợp đồng, Luật Tra tấn; Luật Hình sự; Luật Công ty; Luật Thương mại; Luật Bất động sản; Luật Quốc tế;

Luật So sánh; Các nội dung liên quan đến Tranh tụng và phân xử trước tòa. Các hiện tượng ngữ pháp như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn và thì tương lai, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu và lượng từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm về Luật được lồng ghép trong các bài học, khi thực hành các kỹ năng tiếng giúp người học có cơ hội rèn luyện và nâng cao vốn từ vựng và kiến thức chuyên ngành thông qua các tình huống thường gặp khi đọc hồ sơ tranh tụng, các bước tiến hành tố tụng tại tòa, cơ sở để tiến hành một vụ kiện; hồ sơ cần chuẩn bị để tiến hành tố tụng.

## **20) Luật Tố tụng hành chính**

**3TC**

Luật Tố tụng Hành chính là môn học chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo chuyên ngành luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu môn học nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về Luật tố tụng hành chính: Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật tố tụng hành chính; nguyên tắc; nguồn của Luật Tố tụng hành chính. Những vấn đề cơ bản về quy trình tố tụng tại Tòa án trong lĩnh vực hành chính. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

## **21) Luật Hình sự 1**

**3TC**

Luật Hình sự 1 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật hình sự: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự; nguyên tắc của Luật Hình sự; nguồn của Luật Hình sự. Những vấn đề cơ bản về Tội phạm: khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm; những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm, vấn đề đồng phạm; những vấn đề cơ bản về hình phạt: khái niệm, mục đích của hình phạt; hệ thống hình phạt; quyết định hình phạt... và vấn đề về người dưới 18 tuổi phạm tội. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

## **22) Luật Hình sự 2**

**3TC**

Luật Hình sự 2 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề định tội danh cho các hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Những vấn đề cơ bản về các yếu tố cấu thành tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt của từng nhóm tội, từng tội phạm cụ thể như: nhóm tội xâm phạm an ninh

quốc gia; tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; tội xâm phạm sở hữu; tội phạm về môi trường; tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; tội phạm về ma túy; tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội phạm về chức vụ;... Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức khoa học để giải quyết các vụ án hình sự xảy ra trong thực tiễn đời sống

### **23) Luật Tố tụng hình sự**

**3TC**

Luật Tố tụng hình sự là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản nhất về môn học Luật tố tụng hình sự như: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng hình sự; nguồn của luật tố tụng hình sự; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự. Học phần còn nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và công dân; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức khoa học để giải quyết các vụ án hình sự xảy ra trong thực tiễn đời sống.

### **24) Luật Dân sự 1**

**3TC**

Luật dân sự 1 là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những vấn đề chung nhất của luật dân sự bao gồm: khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, nguyên tắc cơ bản của luật dân sự; quan hệ pháp luật dân sự: khái niệm, đặc điểm và các chủ thể; giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu. Những vấn đề quan trọng trong lĩnh vực pháp luật dân sự: chế định về quyền sở hữu: Khái niệm, quan hệ pháp luật dân sự về sở hữu, các hình thức, căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu, thực hiện bảo vệ quyền sở hữu; chế định về quyền thừa kế: khái niệm, quy định chung, thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

**25) Luật Dân sự 2****3TC**

Luật dân sự 2 là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những nội dung về nghĩa vụ dân sự như khái niệm, căn cứ xác lập, chấm dứt, thực hiện nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ dân sự; các loại hợp đồng dân sự thông dụng: hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng mua bán nhà ở, hợp đồng trao đổi tài sản, hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản, ...; hứa thưởng và thi có giải; vấn đề trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; vấn đề chuyển quyền sử dụng đất và quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trên thực tiễn.

**26) Luật Tố tụng dân sự****3TC**

Luật Tố tụng dân sự là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tố tụng dân sự như khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự; những nguyên tắc cơ bản, các chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, thẩm quyền của Tòa án nhân dân; án phí, lệ phí trong tố tụng dân sự; chứng cứ và chứng minh; thủ tục sơ thẩm, thủ tục phúc thẩm; thủ tục xét lại các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; các thủ tục giải quyết vụ việc dân sự. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến pháp luật tố tụng dân sự.

**27) Luật Thương mại 1****3TC**

Luật Thương mại 1 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật doanh nghiệp bao gồm: khái niệm và đặc điểm về thương nhân, về doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 2 thành viên trở lên, một số vấn đề pháp lý về nhóm công ty: công ty mẹ, công ty con và tập đoàn kinh tế, về việc tổ chức lại, giải thể, phá sản. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống về doanh nghiệp trong thực tiễn.

**28) Luật Thương mại 2****3TC**

Luật Thương mại 2 là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản các hoạt động thương mại như: hoạt động mua bán hàng

hóa, cung ứng dịch vụ, khuyến mại, quảng cáo, đấu giá, đấu thầu, dịch vụ logistics, quyền và nghĩa vụ của thương nhân khi thực hiện các hoạt động thương mại này. Đồng thời cũng trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về hợp đồng thương mại cũng như các biện pháp chế tài trong hoạt động thương mại để đảm bảo quyền lợi của các bên giao kết hợp đồng. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

### **29) Pháp luật phòng, chống tham nhũng**

**2TC**

Pháp luật phòng, chống tham nhũng là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng cần thiết về phòng chống tham nhũng như: khái niệm, đặc điểm của các hành vi tham nhũng; các quy định về Luật phòng chống tham nhũng, Bộ luật hình sự Việt Nam về tội phạm tham nhũng; Công ước Liên hợp quốc chống tham nhũng và kinh nghiệm một số nước về phòng chống tham nhũng.

### **30) Kiến tập nghề nghiệp 01**

**4TC**

Kiến tập nghề nghiệp 01 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập; các hoạt động kinh doanh và quản lý của đơn vị thực tập. Người học thực tập các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của đơn vị thực tập. Hết thời gian thực tập, người học viết báo cáo thực tập về quá trình thực tập của mình.

### **31) Kiến tập nghề nghiệp 02**

**4TC**

Kiến tập nghề nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập; các hoạt động kinh doanh và quản lý của đơn vị thực tập. Người học thực tập các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của đơn vị thực tập. Hết thời gian thực tập, người học viết báo cáo thực tập về quá trình thực tập của mình.

### **32) Luật Lao động**

**3TC**

Luật Lao động là học phần chuyên ngành luật quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động: khái niệm và đặc điểm hợp đồng lao động, phân loại hợp đồng lao động, thỏa ước lao động, nội quy lao động, thực hiện, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động và một số vấn đề pháp lý về tiền lương, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, công đoàn, các hình thức kỷ luật, tranh chấp lao động và cơ chế giải quyết tranh chấp lao động, nội dung về đình công. Trên cơ sở đó,



người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống về lao động trong thực tiễn.

### **33) Luật Đất đai**

**3TC**

Luật Đất đai là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung về đất đai như: lịch sử, khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai; các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; quy định của pháp luật về chế độ sử dụng các loại đất, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Học phần cũng cung cấp các kiến thức giúp người học làm rõ được mối quan hệ giữa luật đất đai và một số ngành luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

### **34) Luật Môi trường**

**3TC**

Luật Môi trường là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về Luật Môi trường quốc tế và Luật Môi trường Việt Nam, như: tầm quan trọng của môi trường và sự cần thiết phải bảo vệ môi trường bằng pháp luật; Khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của Luật Môi trường, các nguyên tắc và nguồn của Luật Môi trường; Nội dung luật Môi trường Việt Nam và Luật Môi trường quốc tế; thực tiễn thực thi một số công ước quốc tế trong lĩnh vực môi trường ở Việt Nam.

### **35) Pháp luật, chính sách tài nguyên nước**

**2TC**

Pháp luật, chính sách tài nguyên nước là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nội dung chính sách, pháp luật của Nhà nước về tài nguyên nước, như: quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước, Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước.

### **36) Công pháp quốc tế**

**3TC**

Công pháp quốc tế (luật quốc tế) là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lí luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế. Bên cạnh đó, môn học còn mang đến cho sinh viên kiến thức về các ngành, chế định và những vấn đề pháp lí

cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như giải quyết tranh chấp quốc tế, dân cư, giải quyết tranh chấp quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế.

### **37) Tư pháp quốc tế**

**3TC**

Tư pháp quốc tế là một môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp điều chỉnh, chủ thể, nguồn của Tư pháp quốc tế; các vấn đề về xung đột pháp luật, xung đột thẩm quyền trong tư pháp quốc tế; công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, bản án, quyết định của tòa án nước ngoài; xác định thẩm quyền của Tòa án, về giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ cụ thể của Tư pháp quốc tế, và một số quy định cụ thể về quan hệ pháp luật có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình, lao động. Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn.

### **38) Luật Khoáng sản**

**2TC**

Học phần Pháp luật Khoáng sản là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về nội dung các quy định của pháp luật Khoáng sản Việt Nam, phương pháp vận dụng các quy định của pháp luật vào thực tiễn hoạt động điều tra cơ bản địa chất khoáng sản, quản lý nhà nước, bảo vệ, thăm dò, khai thác khoáng sản, đấu giá quyền thăm dò, khai thác khoáng sản, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản.

### **39) Luật pháp và chính sách biển**

**3TC**

Luật pháp và chính sách biển là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về Luật biển quốc tế và Luật biển Việt Nam, như: lịch sử hình thành và phát triển và các nguyên tắc cơ bản của Luật biển, nguồn của Luật biển; chế độ pháp lý về các vùng biển; phân định biển; cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Công ước Liên hợp quốc 1982 về Luật biển; một số chính sách biển của Việt Nam. Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống liên quan đến biển.

### **40) Luật Hôn nhân và gia đình**

**3TC**

Luật Hôn nhân và gia đình là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần cung cấp cho người học những

kiến thức cơ bản nhất về luật Hôn nhân và gia đình, như: nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; Quan hệ vợ chồng; Quan hệ cha mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; Chấm dứt hôn nhân; Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài. Từ đó người học có thể vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề xảy ra trong cuộc sống liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

#### **41) Luật Tài chính ngân hàng**

**3TC**

Luật tài chính ngân hàng là môn học chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật tài chính ngân hàng: lý luận về ngân sách nhà nước và pháp luật ngân sách nhà nước; Những vấn đề lý luận về ngân hàng và pháp luật ngân hàng. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

#### **42) Luật sư, công chứng, chứng thực**

**3TC**

Học phần Luật sư, công chứng, chứng thực là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành đào tạo cử nhân luật. Học phần nghiên cứu những kiến thức cơ bản về tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề, tổ chức, hoạt động công chứng, chứng thực và luật sư, quản lý nhà nước đối với tổ chức và hoạt động công chứng, chứng thực, khái quát trình tự, thủ tục tiến hành công chức một số hợp đồng giao dịch cụ thể. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

#### **43) Thực hành Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường**

**4TC**

Thực hành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường là môn học chuyên ngành cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về kỹ thuật và kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng nói chung và kiến thức về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường cụ thể là trong lĩnh vực đất đai, môi trường, thương mại, dân sự.

#### **44) Luật Thuế**

**3TC**

Luật thuế là môn học chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu học phần

nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật thuế như: lý luận về thuế, quyền thu thuế, nguyên tắc đóng thuế và tổng quan về luật thuế; khái niệm và nội dung pháp lý của các loại thuế; và các hoạt động quản lý thuế. Trên cơ sở đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

#### **45) Pháp luật bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất**

**3TC**

Pháp luật về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất là học phần cung cấp kiến thức ngành trong chương trình đào tạo. Học phần cung cấp cho người học các vấn đề lý luận và pháp lý về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, các vấn đề pháp lý về trình tự, thủ tục bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và vấn đề về khiếu nại, tố cáo trong bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.

#### **46) Pháp luật về bảo vệ môi trường trong kinh doanh**

**3TC**

Học phần Pháp luật về bảo vệ môi trường trong kinh doanh là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành đào tạo đại học luật chính quy. Học phần nghiên cứu về bảo vệ môi trường bằng pháp luật trong hoạt động kinh doanh, bao gồm: các vấn đề lý luận về pháp luật môi trường trong kinh doanh; những nội dung liên quan đến các công cụ kinh tế và vai trò của nó đối với hoạt động kinh doanh và quản lý đối với hoạt động kinh doanh; các vấn đề của pháp luật môi trường trong các lĩnh vực kinh doanh cụ thể như hoạt động sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, xuất nhập khẩu, trồng trọt, chăn nuôi, du lịch và các hoạt động dịch vụ khác. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

#### **47) Tội phạm học**

**3TC**

Tội phạm học là học phần chuyên ngành luật, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tội phạm học: khái niệm, nhiệm vụ; mối liên hệ giữa các ngành khoa học khác; phương pháp nghiên cứu của tội phạm học và quá trình hình thành, phát triển của tội phạm học. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tình hình tội phạm, nguyên nhân của tội phạm, nhân thân người phạm tội, dự báo tội phạm, phòng ngừa tội phạm và một số nội dung liên quan khác. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống

**48) Luật Kinh doanh bất động sản****3TC**

Luật Kinh doanh bất động sản là môn kiến thức ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản và pháp luật kinh doanh bất động sản: lịch sử, khái niệm, đặc điểm, các yếu tố cấu thành. Môn học cũng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản: nội dung quản lý nhà nước, nguyên tắc, điều kiện, phạm vi kinh doanh,...; hợp đồng kinh doanh bất động sản và hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản: khái niệm, đặc điểm, phân loại, các quy định chung và quy định cụ thể. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống pháp luật kinh doanh bất động sản trong thực tiễn.

**49) Luật Xây dựng và nhà ở****3TC**

Luật xây dựng và nhà ở là môn học chuyên ngành, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách pháp luật của nhà nước về xây dựng, về nhà ở như: khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Xây dựng và Luật nhà ở; các nội dung quản lý nhà nước về xây dựng: ban hành tiêu chuẩn, kỹ thuật, cấp, thu hồi giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận, kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo..., pháp luật về quy hoạch xây dựng: đối tượng, phân loại, nội dung quy hoạch; quy định về cấp giấy phép xây dựng: đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục,...; các nội dung quản lý nhà nước về nhà ở: quản lý, điều tra, thống kê, đào tạo,..., các quy định về sở hữu nhà ở: khái niệm, đối tượng sở hữu, giấy chứng nhận..., phát triển nhà ở: mục đích, yêu cầu, hình thức, nội dung; các giao dịch về nhà ở: mua bán, cho thuê, tặng cho, đổi, thừa kế. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết tình huống thực tiễn về Luật Xây dựng và nhà ở.

**50) Hợp đồng dân sự thông dụng****3TC**

Hợp đồng dân sự thông dụng là học phần chuyên ngành luật quan trọng trong chương trình đào tạo ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Luật hợp đồng dân sự thông dụng: về các loại hợp đồng dân sự thông dụng như khái niệm, đặc điểm, hình thức, quyền và nghĩa vụ chung và đặc thù của các bên trong hợp đồng dân sự thông dụng. Giúp người học hiểu được nguyên tắc giao kết hợp đồng cũng như xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện, chấm dứt hợp

đồng. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

### **51) Thực tập tốt nghiệp**

**6TC**

Thực tập tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của đơn vị thực tập; các hoạt động kinh doanh và quản lý của đơn vị thực tập. Người học thực tập các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của đơn vị thực tập. Hết thời gian thực tập, người học viết báo cáo thực tập về quá trình thực tập của mình.

### **52) Khóa luận tốt nghiệp**

**6TC**

Học phần trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức pháp luật (luật dân sự, hình sự, đất đai, thương mại, hôn nhân gia đình.....) đã được học trong chương trình đào tạo ngành luật để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn. Học phần bao gồm các nội dung: tổng quan đề tài nghiên cứu, cơ sở lý luận về lĩnh vực nghiên cứu, thực trạng về vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập, những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện nhằm nâng cao lĩnh vực quản lý hoạt động thuộc phạm vi lĩnh vực nghiên cứu của khóa luận.

### **53) Kỹ năng tư vấn pháp lý về pháp luật tài nguyên – môi trường**

**3TC**

Học phần Kỹ năng tư vấn pháp lý trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường là học phần thay thế cho các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp của ngành luật hệ đào tạo đại học chính quy. Học phần giúp cho người học nâng cao nhận thức và rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, nhận định và đánh giá hiện tượng, vụ việc trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa pháp luật thực định và thực tiễn triển khai. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản và cần thiết phải có, cùng với những kỹ năng riêng, đặc thù để giải quyết những vụ việc, những tình huống phổ biến trong lĩnh vực tài nguyên môi trường xảy ra trong đời sống xã hội. Hướng tới trang bị cho người học có kỹ năng và kiến thức cần thiết trong lĩnh vực đất đai và các lĩnh vực khác có liên quan để làm việc được trong các công ti tư vấn luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trợ giúp pháp lí, làm pháp chế cho doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế, cơ quan nhà nước, v.v..

### **54) Kỹ năng Giải quyết tranh chấp thương mại**

**3TC**

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của chủ thể tham gia vào hoạt động giải quyết tranh

chấp thương mại; các quy trình, thủ tục tiến hành việc giải quyết tranh chấp thương mại; các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng, hoà giải thương mại, trọng tài thương mại và giải quyết tranh chấp tại toà án. Môn học tập trung bổ sung các kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp thương mại ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong các hình thức giải quyết tranh chấp thương mại như: thương lượng; hoà giải; trọng tài thương mại và toà án

### 3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

#### 3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

##### a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy cho các ngành đào tạo tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong đó có ngành Công nghệ thông tin được thống kê ở bảng sau:

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng học	154	13.854	- Máy chiếu - Màn chiếu - Bảng chống lóa - Bàn giáo viên - Bàn sinh viên	104 107 154 154 3.650	Tất cả các học phần/môn học
2	Phòng máy tính	28	1.988	- Máy tính - Máy chủ - Máy chủ phiên	1.200 02 12	Tin học; Tiếng Anh

##### b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Ghi chú
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )	
1	Phòng máy (902,903, 904)	3	309	Máy vi tính DELL	57	- Các môn tin học	309	
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1			
				Máy chiếu đa năng Sony	1			

*c. Thông tin Thư viện*

Tổng diện tích thư viện: 890 m<sup>2</sup> trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m<sup>2</sup>

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu (tài liệu giấy và số): 100

Số chỗ ngồi đọc: 200

Phần mềm Thư viện (tích hợp quản lý thư viện truyền thống và thư viện điện tử):

iLibme

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT Thành phố Hồ Chí Minh các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 9.915 sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

*d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Luật*

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> , dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> , dành cho bậc đại học khối không chuyên lý luận chính trị, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> , dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, NXB Chính trị quốc gia sự thật.
6	Tiếng Anh 1	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge, Elementary</i> . Harlow: Pearson Longman.
7	Tiếng Anh 2	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge – Pre-Intermediate</i> . Harlow: Pearson Longman.



STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
8	Tiếng Anh 3	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge – Pre-Intermediate</i> . Harlow: Pearson Longman.
9	Tin học đại cương	1. Phạm Thị Anh Lê (2014), <i>Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)</i> , Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. 2. Phạm Quang Huy (2019), <i>Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu</i> , Nhà xuất bản Thanh niên. 3. Phạm Quang Hiền (2019), Phạm Phương Hoa, <i>Giáo trình thực hành Excel</i> , Nhà xuất bản Thanh niên.
10	Lôgic học	Nguyễn Thúy Vân, Nguyễn Anh Tuấn (2009), <i>Lôgic Học Đại Cương</i> , Nxb. Đại học Quốc Gia Hà Nội.
11	Luật Hiến pháp	1. GS.TS. Thái Vĩnh Thắng & PGS.TS. Vũ Hồng Anh, (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i> , NXB Tư pháp, Đại học Luật Hà Nội. 2. Nguyễn Đăng Dung (chủ biên) (2018), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i> , NXB Đại học Quốc gia.
12	Luật Hành chính	TS. Trần Minh Hương (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật hành chính Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
13	Kỹ năng hành nghề luật	1. PGS. TS Phan Hữu Thư & PGS. TS Lê Thu Hà (chủ biên) (2011), <i>Giáo trình kỹ năng giải quyết vụ việc dân sự</i> , NXB Tư pháp, Học viện Tư pháp. 2. PGS. TS Lê Thu Hà (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình kỹ năng giải quyết các vụ án hành chính</i> , NXB Tư pháp, Học viện Tư pháp. 3. Học viện Tư pháp (2011), <i>Đạo đức nghề luật</i> , NXB Tư pháp.
14	Kỹ năng xử lý và giải quyết tình huống pháp lý	TS. Phan Chí Hiếu & ThS. Nguyễn Thị Hằng Nga (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
15	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	PGS.TS. Nguyễn Minh Đuan & TS. Nguyễn Văn Năm (chủ biên) (2018), <i>Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> , NXB Tư pháp, Đại học Luật Hà Nội.
16	Luật học so sánh	1. TS. Nguyễn Quốc Hoàn (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật so sánh</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. Prof. Michael Bogdan (chủ biên) (1994), <i>Luật so sánh</i> , NXB Kluwer, Norstedts Juridik. 3. Prof. Rene David (chủ biên) (2003), <i>Những hệ thống</i>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<i>pháp luật chính trong thế giới đương đại</i> , NXB. Hồng Đức.
17	Lịch sử nhà nước và pháp luật	1. Phạm Điềm & Ths. Vũ Thị Nga (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Thế giới</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. GS.TS. Lê Minh Tâm & Ths. Vũ Thị Nga (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
18	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	TS. Đoàn Thị Tố Uyên (chủ biên) (2014), <i>Giáo trình xây dựng văn bản pháp luật</i> , NXB Tư pháp, Đại học Luật Hà Nội.
19	Tiếng Anh chuyên ngành	Amy Krois Lindner Matt Firth (2008), <i>Introduction to International Legal English, A course for classroom or self-study</i> , Cambridge University Press. UK.
20	Luật Tố tụng Hành chính	1. ThS. Hoàng Văn Sao & Nguyễn Phúc Thành (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Tố tụng Hành chính Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. TS. Nguyễn Thị Thủy & TS. Hoàng Quốc Hồng (2016), <i>Giáo trình Luật Tố tụng Hành chính Việt Nam</i> , NXB Thế giới, Khoa Luật Viện Đại học mở Hà Nội.
21	Luật Hình sự 1	GS. TS Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần chung)</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
22	Luật Hình sự 2	GS. TS Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) Quyển 1,2</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
23	Luật Tố tụng hình sự	PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn (chủ biên) (2018), <i>Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
24	Luật Dân sự 1	PGS.TS. Đinh Văn Thanh & TS. Nguyễn Minh Tuấn (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 1)</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
25	Luật Dân sự 2	PGS.TS. Đinh Văn Thanh & TS. Nguyễn Minh Tuấn (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 2)</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
26	Luật Tố tụng dân sự	TS. Nguyễn Công Bình (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân.
27	Luật Thương mại 1	1. PGS.TS. Nguyễn Việt Tý & TS. Nguyễn Thị Dung (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật Thương mại 1</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		2. PGS. TS. Ngô Huy Cương (chủ biên) (2013), <i>Giáo trình Luật Thương mại</i> , NXB Đại học Quốc gia.
28	Luật Thương mại 2	PGS.TS. Nguyễn Viết Tý & TS. Nguyễn Thị Dung (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật Thương mại 2</i> , NXB Tư pháp, Đại học Luật Hà Nội.
29	Pháp luật phòng, chống tham nhũng	1. PGS. TS Hoàng Thế Liên (chủ biên) (2014), <i>Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng cho các trường Đại học, Cao đẳng chuyên về Luật</i> , NXB Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. GS. TS Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
30	Kiến tập nghề nghiệp 1	1. Phạm Duy Nghĩa (2015), <i>Giáo trình Luật kinh tế</i> , Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội. 2. Ngô Hoàng Oanh (2016), <i>Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp</i> , Nxb. Tư pháp, Hà Nội
31	Kiến tập nghề nghiệp 2	1. Phạm Duy Nghĩa (2015), <i>Giáo trình Luật kinh tế</i> , Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội. 2. Ngô Hoàng Oanh (2016), <i>Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp</i> , Nxb. Tư pháp, Hà Nội
32	Luật Lao động	1. PGS. TS. Nguyễn Hữu Chí & PGS. TS Trần Thị Thúy Lâm (chủ biên) (2020), <i>Giáo trình Luật lao động Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. TS. Nguyễn Hữu Chí & TS. Đỗ Ngân Bình (chủ biên) (2015) <i>Giáo trình Luật lao động Việt Nam</i> , NXB Giáo dục, Khoa Luật Viện Đại học mở Hà Nội.
33	Luật Đất đai	TS. Trần Quang Huy (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật đất đai</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
34	Luật Môi trường	1. GS.TS. Lê Hồng Hạnh & PGS.TS. Vũ Thu Hạnh (chủ biên) (2016), <i>Giáo trình Luật Môi Trường</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. TS. Lê Mai Anh (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Quốc tế</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
35	Pháp luật, chính sách tài nguyên nước	GS.TS. Lê Hồng Hạnh & PGS.TS. Vũ Thu Hạnh (chủ biên) (2016), <i>Giáo trình Luật Quốc tế</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
36	Công pháp quốc tế	1. TS. Lê Mai Anh (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Quốc tế</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. PGS. TS. Nguyễn Bá Diển (chủ biên) (2014), <i>Công pháp quốc tế</i> , NXB Đại học Quốc gia.
37	Tư pháp quốc tế	1. TS. Trần Minh Ngọc & TS. Vũ Thị Phương Lan (chủ

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		biên) (2017), <i>Tư pháp quốc tế</i> , NXB Tư pháp, Đại học Luật Hà Nội. 2. PGS. TS. Nguyễn Bá Diễn (chủ biên) (2013), <i>Tư pháp quốc tế</i> , NXB Đại học Quốc gia. 3. PGS.TS Mai Hồng Quý (chủ biên) (2013), <i>Tư pháp quốc tế</i> , NXB Hồng Đức.
38	Luật Khoáng sản	1. GS. TS Tổng Duy Thanh (chủ biên) (2008), <i>Địa chất cơ sở</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2. Lưu Đức Hải & Chu Văn Ngợi (chủ biên) (2004), <i>Tài nguyên khoáng sản</i> , NXB Đại học Quốc gia. 3. GS.TS. Lê Hồng Hạnh & PGS.TS. Vũ Thu Hạnh (chủ biên) (2016), <i>Giáo trình Luật Môi Trường</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
39	Luật pháp và chính sách biển	1. TS. Nguyễn Thị Kim Ngân & TS. Nguyễn Toàn Thắng (chủ biên) (2019), <i>Giáo trình Luật Môi Trường</i> , NXB Tư pháp, Đại học Luật Hà Nội. 2. TS. Lê Mai Anh (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Quốc tế</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 3. Hạnh Nguyên (chủ biên) (2014), <i>Những điều cần biết về Các chính sách về biển và hải đảo của Việt Nam</i> , NXB Thanh niên.
40	Luật Hôn nhân và Gia đình	1. TS. Nguyễn Văn Cừ (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. TS. Ngô Thị Hương (chủ biên) (2015), <i>Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam</i> , NXB Tư pháp, Khoa Luật Viện Đại học mở Hà Nội.
41	Luật Tài chính ngân hàng	1. TS. Nguyễn Văn Tuyền (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Ngân sách Nhà nước</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. TS. Võ Đình Toàn (chủ biên) (2015), <i>Giáo trình Luật ngân hàng Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
42	Luật sư, công chứng, chứng thực	1. ThS. Nguyễn Hữu Ước & TS. Nguyễn Văn Điệp (chủ biên) (2016), <i>Giáo trình Luật sư và nghề luật sư</i> , NXB Tư pháp. 2. TS Lê Thu Hà (chủ biên) (2011), <i>Giáo trình kỹ năng công chứng</i> , NXB Tư pháp.
43	Thực hành kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong lĩnh vực tài nguyên môi trường	1. TS. Phan Chí Hiếu (2012), <i>Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật</i> , NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.
44	Luật Thuế	1. TS. Nguyễn Văn Tuyền (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Ngân sách Nhà nước</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		2. PGS.TS. Phạm Thị Giang Thu (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật thuế Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
45	Pháp luật bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất	1. TS. Trần Quang Huy (chủ biên) (2016), <i>Giáo trình Luật Đất đai</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. Quốc hội nước CHXHCNVN (2013), <i>Luật Đất đai</i> , Hà Nội
46	Pháp luật về bảo vệ môi trường trong kinh doanh	1. Đại học Luật Hà Nội (2013), <i>Tập bài giảng Pháp luật môi trường trong kinh doanh</i> , NXB Tư pháp. 2. GS.TS. Lê Hồng Hạnh & PGS.TS. Vũ Thu Hạnh (chủ biên) (2016), <i>Giáo trình Luật Môi Trường</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 3. PGS.TS. Nguyễn Việt Tý & TS. Nguyễn Thị Dung (chủ biên) (2015), <i>Giáo trình Luật Thương mại 1</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
47	Tội phạm học	GS. TS Lê Thị Sơn (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Tội phạm học</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
48	Luật Kinh doanh bất động sản	Đặng Hoàng Mai (chủ biên) (2016), <i>Pháp luật về kinh doanh bất động sản</i> , NXB Xây dựng.
49	Luật Xây dựng và nhà ở	ThS. Bùi Mạnh Hùng & PGS. Lê Kiều (chủ biên) (2015), <i>Giáo trình Pháp luật về xây dựng</i> , NXB Xây dựng.
50	Hợp đồng dân sự thông dụng	1. PGS.TS. Đinh Văn Thanh & TS. Nguyễn Minh Tuấn (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 1)</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. PGS.TS. Đinh Văn Thanh & TS. Nguyễn Minh Tuấn (chủ biên) (2017), <i>Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 2)</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 3. TS Lê Đình Nghị (chủ biên) (2011), <i>Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 1)</i> , NXB Giáo dục. 4. TS Lê Đình Nghị (chủ biên) (2011), <i>Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 2)</i> , NXB Giáo dục.
51	Thực tập tốt nghiệp	1. Phạm Duy Nghĩa (2015), <i>Giáo trình Luật kinh tế</i> , Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội. 2. Ngô Hoàng Oanh (2016), <i>Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp</i> , Nxb. Tư pháp, Hà Nội
52	Khóa luận tốt nghiệp	1. Quốc hội (2013), <i>Luật Hiến pháp</i> , Nxb Tư pháp 2. Quốc hội (2020), <i>Luật Bảo vệ Môi trường</i> , Nxb Lao động 3. Quốc hội (2014), <i>Luật hôn nhân gia đình</i> , Nxb Lao động

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		4. Quốc hội (2015), <i>Bộ luật hình sự</i> , NXB Tư pháp 5. Quốc hội (2015), <i>Bộ luật dân sự</i> , Nxb Chính trị Quốc gia sự thật 6. Quốc hội (2020), <i>Luật doanh nghiệp</i> , Nxb Lao động
53	Kỹ năng tư vấn pháp lý về pháp luật tài nguyên - môi trường	1. TS. Phan Chí Hiếu & ThS. Nguyễn Thị Hằng Nga (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kỹ năng tư vấn pháp luật</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. TS. Trần Quang Huy (chủ biên) (2018), <i>Giáo trình Luật Đất đai</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 3. GS.TS. Lê Hồng Hạnh & PGS.TS. Vũ Thu Hạnh (chủ biên) (2016), <i>Giáo trình Luật Môi Trường</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội.
54	Kỹ năng Giải quyết tranh chấp thương mại	1. TS. Nguyễn Thị Dung (chủ biên) (2015), <i>Giáo trình Luật Thương mại 1</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 2. TS. Nguyễn Thị Dung (chủ biên) (2013), <i>Giáo trình Luật Thương mại 2</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 3. TS Phan Chí Hiếu & ThS. Nguyễn Thị Hằng Nga (chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Kỹ năng Tư vấn pháp luật</i> , NXB Công an Nhân dân, Đại học Luật Hà Nội. 4. TS. Nguyễn Công Bình (chủ biên) (2015), <i>Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam</i> , NXB Công an Nhân dân.

### 3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Trần Lệ Thu	Tiến sĩ	Luật kinh tế	Khoa Lý luận chính trị
2	Vũ Thị Thùy Dung	Thạc sĩ, NCS	Luật hình sự và tố tụng hình sự	Khoa Lý luận chính trị
3	Phạm Quang Phương	Thạc sĩ, NCS	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật	Khoa Lý luận chính trị
4	Nguyễn Thị Phương Hồng	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Khoa Lý luận chính trị
5	Nguyễn Văn Tám	Thạc sĩ	Luật học	Khoa Lý luận chính trị
6	Bùi Thị Thu Hường	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Khoa Lý luận chính trị
7	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	Thạc sĩ, NCS	Luật Dân sự và tố tụng dân sự	Khoa Lý luận chính trị
8	Phạm Ngọc Thúy	Thạc sĩ	Luật Quốc tế	Khoa Lý luận chính trị
9	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Cử nhân	Luật kinh tế	Khoa Lý luận chính trị

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Học hàm, học vị</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Đơn vị công tác</b>
10	Đỗ Thị Châu Anh	Cử nhân	Luật học	Khoa Lý luận chính trị
11	Hoàng Thị Khánh Hoàn	Cử nhân	Luật học	Khoa Lý luận chính trị
12	Tống Thị Huyền Trang	Thạc sĩ	Luật kinh tế	Khoa Lý luận chính trị
13	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sĩ	Luật hành chính	Khoa Lý luận chính trị
14	Lại Thị Lan Vy	Thạc sĩ	Luật Thương mại và kinh doanh quốc tế	Khoa Lý luận chính trị
15	Nguyễn Quý Phương Anh	Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự	Khoa Lý luận chính trị
16	Trần Thị Hương	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Khoa Công nghệ thông tin
17	Đặng Đức Chính	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ
18	Phạm Thị Hồng Quế	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ
19	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ
20	Tống Hưng Tâm	Tiến sĩ	Triết học về Ngôn ngữ học	Bộ môn Ngoại ngữ
21	Đỗ Mai Quyên	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ
22	Lê Thanh Thủy	Thạc sĩ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
23	Đỗ Minh Anh	Thạc sĩ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
24	Ngô Quang Duy	Thạc sĩ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
25	Nguyễn Thị Na	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Khoa Lý luận chính trị
26	Đỗ Thị Ngân	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Khoa Lý luận chính trị
27	Vũ Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	Khoa Lý luận chính trị
28	Vũ Thị Hòa	Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	Khoa Lý luận chính trị
29	Hoàng Diệu Thảo	Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	Khoa Lý luận chính trị
30	Nguyễn Thị Nguyệt	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng CSVN	Khoa Lý luận chính trị
31	Nguyễn Thị Liên	Tiến sĩ	Lịch sử Đảng CSVN	Khoa Lý luận chính trị
32	Lê Xuân Tú	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng CSVN	Khoa Lý luận chính trị

### 3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành; 45÷90 giờ thực tập tại cơ sở; 45÷60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; khoá luận tốt nghiệp (tương đương 1 tuần liên tục;

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định;

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ);

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi sinh viên (trừ các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng) trong mỗi học kỳ được quy định như sau: Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn. Việc đăng ký và tổ chức các lớp học phần sẽ học phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình đào tạo.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021*

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**Vũ Danh Tuyên**

**Nguyễn Thị Luyến**